

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **80/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 29/9/2025
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Hồng Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Ngọc Tây**

Bà **Nguyễn Thị Lý**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Minh Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 986/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Số 22 H, xã V, thành phố N (nay là số 22 H, phường B), tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Ngô Văn P**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, thành phố N (nay là thôn Đ, phường B), tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà và ông Ngô Văn P tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N (nay là Ủy ban nhân dân phường B) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2007, ngày 06/11/2007. Thời gian đầu, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, tôn trọng và yêu thương lẫn nhau. Tuy nhiên qua một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng bà thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài đến mức không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà và ông P không còn sống chung với nhau đã hơn 05 năm. Nay tình cảm vợ chồng

không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông Ngô Văn P có hai con chung là Ngô Thị Thu H, sinh ngày: 25/01/2000 và Ngô Thị Thanh V, sinh ngày: 08/9/2007. Các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ngô Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do; do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn cũng như không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Lê Thị H được ly hôn ông Ngô Văn P; Về con chung, hai con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh, bà H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; Về tài sản chung, bà H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; Về nợ chung, bà H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; Về án phí, bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc ly hôn với bị đơn ông Ngô Văn P. Bị đơn ông P có địa chỉ cư trú tại phường B, tỉnh Khánh Hòa nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bị đơn ông P và tiến hành thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị H và ông Ngô Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N (nay là Ủy ban nhân dân phường B) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2007, quyển số 01, ngày 06/11/2007 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của bà Lê Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống, vợ chồng bà H và ông P có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay bà H và ông P không còn sống chung với nhau nữa, không ai quan tâm gì đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông P đến Tòa làm việc nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông P không có thiện chí đoàn tụ gia đình với bà H. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà H và ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị ly hôn của bà H là chính đáng, có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Ngô Văn P có hai con chung là Ngô Thị Thu H, sinh ngày: 25/01/2000 và Ngô Thị Thanh V, sinh ngày: 08/9/2007. Các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Lê Thị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Lê Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn ông Ngô Văn P.

2. Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Ngô Văn P có hai con chung là Ngô Thị Thu H, sinh ngày: 25/01/2000 và Ngô Thị Thanh V, sinh ngày: 08/9/2007. Các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh, bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải

quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Lê Thị H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003178 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Khánh Hòa). Bà H đã nộp đủ án phí.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 1 – Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã V, thành phố N (nay là UBND phường B) (Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2007, quyền số 01, ngày 06/11/2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hồng Thủy